TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 01 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Bửu Huệ và ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 398/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét 267/2025/QĐXXST-HNGD ngày 28 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa); tạm trú: Tổ I, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Dương Đình T, sinh năm 1981; thường trú: Đ, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa); tạm trú: Tổ I, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số: 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 10/02/2004.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, ông T đã bóp cổ, tác động vật lý lên người chị H. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình

cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Dương Đình T.

Về con chung: quá trình chung sống, chị H và anh T có 02 con chung tên Dương Đình H1, sinh ngày 29/03/2006 và Dương Thị Phương T1, sinh ngày 02/01/2011. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dương Thị Phương T1; không yêu cầu anh Dương Đình T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Con chung Dương Đình H1 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Dương Đình T: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn anh Dương Đình T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H nhưng anh Dương Đình T không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/11/2025; tham gia phiên tòa vào ngày 18/12/2025, ngày 08/01/2026 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn chị Nguyễn Thị Thu H và anh Dương Đình T do Tòa án tiến hành, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: chị H và anh T trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Dương Đình T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 18/12/2025, ngày 08/01/2026 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Dương Đình T tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số: 01/2004 cấp ngày 10/02/2004 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn

nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Dương Đình T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Dương Đình T có 02 con chung là Dương Đình H1, sinh ngày 29/03/2006 và Dương Thị Phương T1, sinh ngày 02/01/2011. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thị Phương T1. Con chung Dương Đình H1 đã trưởng thành, không yêu cầu tòa giải quyết. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Dương Đình T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Cháu Dương Thị Phương T1 mong muốn được sống chung với mẹ. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Dương Thị Phương T1 được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo tốt về mọi mặt nên việc giao cháu Dương Thị Phương T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H về việc ly hôn với bị đơn anh Dương Đình T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Dương Đình T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 10/02/2004).

Về con chung: Buộc anh Dương Đình T giao con chung Dương Thị Phương T1, sinh ngày 02/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Dương Đình T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Con chung Dương Đình H1, sinh ngày 29/03/2006, đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023215 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16, Thà nh phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền